

Mẫu B01 – Song ngữ
HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI TỆ GIAO NGAY
FOREIGN EXCHANGE SPOT AGREEMENT

(Áp dụng giữa BIDV và Khách hàng)

Số: / Number:/202...../HDMBNT/KHCN
..., Ngày...tháng...năm.../ ..., Date ... month ... year 202.....

BÊN A: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Party A: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam

Chi nhánh/Branch: Nam Ky Khoi Nghia

Địa chỉ/ Address: 56 (behind), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, HCMC

Người đại diện/ Represented by:

.....

Chức vụ/Số CMT:

Title/ ID number:

.....

Giấy ủy quyền số: 71/QĐ-BIDV.NKKN
ngày 08/03/2024

*Number of authorization document:
dated: 71/QĐ-BIDV.NKKN date
08/03/2024*

Điện thoại/ Phone: (028) 38218812

BÊN B: (Khách hàng)/ Party B(Customer):

.....

Địa chỉ/ Address:.....

.....

Người đại diện/ Represented by:

Chức vụ/Số CMT:

Title / ID number:

.....

Giấy ủy quyền số: ngày

Number of authorization document: dated

Điện thoại/ Phone:.....

THÔNG TIN GIAO DỊCH/TRANSACTION DETAIL:

Chiều giao dịch của Khách hàng (Bên B)/Transaction side of Party B:

Mua/Buy Bán/Sell

Số tiền giao dịch/ Dealt Amount:

Loại tiền giao dịch/ Dealt Currency:

Tỷ giá/ Exchange rate:

Số tiền thanh toán/ Settlement Amount:

Loại tiền thanh toán/ Settlement currency:

Bằng chữ/ *In words:*

Ngày giao dịch/ *Trade date:*

Ngày thanh toán/ *Settlement date:*

Mục đích sử dụng ngoại tệ/ *Purpose of buying foreign currency:*

CHỈ DẪN THANH TOÁN/SETTLEMENT INSTRUCTION:

- Chỉ dẫn thanh toán đồng ... (khách hàng bán)/ *Settlement instruction for ... (currency that party B sells):*

Bên B ủy quyền vô điều kiện không hủy ngang cho bên A tự động trích nợ ... từ tài khoản tiền gửi thanh toán số ... của bên B mở tại Bên A/BIDV chi nhánh... / *Party B irrevocably authorizes Party A to automatically debit ... from the account number ... of Party B opened at Party A/BIDV branch...*

Bên A trích nợ ... từ tài khoản tiền vay (số ...) của bên B/ (Nếu KH thanh toán bằng vốn vay)/ *Party A debits... from loan account (number ...) of Party B (If customer pays by loan)*

- Chỉ dẫn thanh toán đồng ... (khách hàng mua)/ *Settlement instruction for ... (currency that party B buys)::*

Bên A chuyển tiền ... vào TK số ... của bên B tại Bên A/BIDV chi nhánh... / *Ngân hàng ... / Party A transfers money... to account number... of Party B at Party A/BIDV branch... / Bank...*

Bên A chuyển tiền để thanh toán theo lệnh chuyển tiền ngày / *Party A transfers money to do payment order date*

ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN/ TERMS AND CONDITIONS:

Điều 1. Cam kết của các bên/ Article 1. Commitments of the Parties

1. Cam kết của Bên A/ Commitment of Party A

a) Bên A có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực tài chính để giao dịch và ký kết hợp đồng này với Bên B.

Party A has full legal capacity and financial capacity for executing and signing this Foreign Exchange contract with party B

b) Thực hiện nghĩa vụ của Bên tính toán một cách chính xác, minh bạch. Cụ thể, Bên A sẽ thực hiện việc tính toán số tiền bồi thường thiệt hại và các chi phí khác trong trường hợp phát sinh vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng và thông báo cho Bên B. Thông báo của Bên tính toán mang tính bắt buộc thực hiện đối với các bên ký kết hợp đồng.

Party A shall perform the obligations of the calculating Party precisely and transparently. Specifically, Party A shall calculate the compensation amount and other

costs in case of breach and/or termination of contract, and notice Party B. Notice of the calculating party is mandatory for both Parties.

2. Cam kết của Bên B/ Commitment of party B

a) Bên B có đủ năng lực pháp lý và năng lực tài chính để giao dịch và ký kết hợp đồng này với Bên A.

Party B has full legal capacity and financial capacity for executing and signing this contract with Party A.

b) Bên B sử dụng ngoại tệ đúng mục đích và tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật liên quan khác.

Party B uses foreign currencies for the right purpose and in compliance with anti-money laundering, foreign exchange management and other regulations.

c) Bên B đã hiểu rõ bản chất và các rủi ro liên quan của giao dịch này.

Party B is fully aware of the nature and related risks of this transaction.

d) Bên B sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên A trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng, sửa đổi giảm số tiền giao dịch dẫn đến thiệt hại cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.

Party B shall compensate Party A in case of contract termination, breach of contractual obligations, and reduction of the transaction amount resulting in damage to Party A as prescribed in Article 5 of this contract.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ Bên A/ Article 2. Rights and Obligations of Party A

1. Quyền/Rights

a) Được quyền yêu cầu Bên B đáp ứng các điều kiện phù hợp để có thể thực hiện giao dịch bao gồm nhưng không giới hạn đối với việc yêu cầu Bên B xuất trình hồ sơ, chứng từ theo quy định hiện hành và thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

To be entitled to require party B to meet appropriate condition to execute transactions including but not limited to presenting documents in accordance with current regulations and taking guarantee measures to ensure the execution of the contract.

b) Được quyền phong tỏa các tài khoản thanh toán, các hợp đồng tiền gửi của Bên B tại Bên A để đảm bảo thực hiện giao dịch này.

To be entitled to block current accounts, term deposits of Party B at party A to ensure the execution of this contract.

c) Được quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này hoặc trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt, sửa đổi gây thiệt hại cho Bên A.

To be entitled to require party B for compensation in case Party B violates the terms and conditions of this contract, terminates or modifies the contract resulting in damage for Party A.

d) Được quyền xử lý tiền ký quỹ, tự động trích bất kỳ tài khoản thanh toán, tiền gửi nào của Bên B tại các ngân hàng (bao gồm BIDV và các Tổ chức tín dụng khác khác) để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh của bên B đối với bên A tại hợp đồng này.

To be entitled to handle deposit accounts, current accounts of party B at banks (including BIDV and other financial institutions) to pay for the obligations incurred by Party B to Party A in this contract.

e) Được quyền chấm dứt một hoặc một số hoặc toàn bộ Hợp đồng giao dịch cụ thể còn hiệu lực giữa hai Bên trong trường hợp Bên B vi phạm các điều khoản của hợp đồng này.

To be entitled to terminate one or several or all outstanding transactions between two Parties in case Party B violates terms and conditions of this contract.

f) Trường hợp Bên A đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nêu tại điểm d khoản 1 Điều này nhưng các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, Bên A được quyền truy đòi và Bên B vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán đối với phần nghĩa vụ còn thiếu đó.

In case party A applied debt recovery solution as prescribed at point d clause 1 This article but the obligations of party B under this contract have not been fully fulfilled, Party A has the right to claim and party B must continue paying for the remaining obligations.

2. Nghĩa vụ/ Obligations

a) Thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo các quy định tại Hợp đồng này.

To fully and timely perform the payment obligation in accordance with the provisions of this contract.

b) Thực hiện đầy đủ các cam kết theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Hợp đồng này.

To fully perform commitment as prescribed at clause 1 Article 1 of this contract

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ Bên B/ Article 3. Right and Obligation of Party B

1. Quyền/ Rights

a) Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ phù hợp với nhu cầu hợp pháp của Bên B.

To perform foreign currency transactions in accordance with laws and regulations.

b) Yêu cầu Bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán các số tiền phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

To request party A to perform payment obligation in accordance with the provisions of this contract

2. Nghĩa vụ/ Obligations

a) Cung cấp các hồ sơ, chứng từ bản gốc hoặc bản sao theo yêu cầu của Bên A để thực hiện giao dịch đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

To provide original or copied documents as required by party A for executing transaction in accordance with current regulations

b) Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

To fully and timely perform obligations under this contract

c) Thực hiện đầy đủ các cam kết theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Hợp đồng này.

To fully perform commitment as prescribed at clause 2 Article 1 of this contract.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng/ Article 4. Termination

Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau/ *This contract shall cease to be effective in the following cases :*

1. Theo thỏa thuận của các bên;

As agreed by the two parties

2. Một Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng, vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng;

One party terminates or violates the obligations of the contract.

3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng mà một trong các bên không thể khắc phục dù đã nỗ lực áp dụng mọi biện pháp cần thiết.

When a force majeure event occurs that one of the parties cannot overcome despite their best efforts to apply all necessary measures.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Other cases as prescribed by laws.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại/Article 5. Compensation

Trường hợp một hoặc cả hai Bên chấm dứt hợp đồng hoặc sửa đổi giảm số tiền giao dịch gây thiệt hại cho Bên còn lại, Bên gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại cho Bên bị thiệt hại. Số tiền bồi thường thiệt hại bao gồm lỗ về kinh doanh ngoại tệ và các chi phí khác (nếu có) và do Bên tính toán thông báo, được xác định như sau:

In case one of the Parties or both Parties terminates the contract or reduces the transaction amount, the defaulting Party shall have to compensate the defaulted Party. The compensation amount includes foreign exchange losses, assets handling costs and others (if any) and informed by the Calculating Party, and calculated as follow:

Số tiền bồi thường thiệt hại = Số tiền giao dịch không được thực hiện × Chênh lệch giữa TG_{HD} và TG_{TT} + chi phí xử lý tài sản, chi phí toà án và các chi phí khác (nếu có)

Compensation amount = Breached contract amount × Exchange rates differential between contract exchange rate and market exchange rate + costs of assets handling + court expenses and others (if any)

Trong đó:

TG_{HD}: là tỷ giá ghi trên hợp đồng bị vi phạm hoặc chấm dứt.

TG_{TT}: là tỷ giá thị trường do Bên tính toán thông báo.

In which:

- ✓ *Contract exchange rate: in breached contract signed by the two parties;*
- ✓ *Market exchange rate: announced by calculating Party (Party A)*

Điều 6. Sự kiện bất khả kháng/Article 6. Force Majeure Events

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam mà do đó một trong hai Bên hoặc cả hai Bên không thể thực hiện được các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng này.

Force majeure events are events that occur objectively, unforeseeably and irretrievably though all necessary and permissible measures have been applied such as earthquake, storm, flood, whirlwind, tsunami, landslide, fire, war or threat of war... and other unpredictable disasters, changes in policies of competent authorities in Vietnam due to which either Party or both Parties are unable to perform the obligations specified in this contract.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, nếu một trong hai Bên hoặc cả hai Bên không thể thực hiện được các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này thì mỗi Bên có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên còn lại trong thời hạn chậm nhất là 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện bất khả kháng để các Bên nghiên cứu các biện pháp xử lý và cam kết sẽ sử dụng mọi nỗ lực có thể để tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu hậu quả.

When force majeure events occur, if either Party or both Parties are unable to fulfill the obligations in this contract, each Party is obliged to immediately notice the Other Party no later than 24 hours since the force majeure event arises so that the Parties take remedies and commit to making every possible effort to take appropriate measures to prevent or mitigate the consequences.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp/Article 7. Dispute settlement

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp mà hai bên không thể giải quyết bằng thương lượng được thì mỗi Bên đều có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Pháp luật Việt Nam sẽ được áp dụng để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này.

In the event of a dispute that cannot be resolved by negotiation, each Party has the right to bring the dispute to the competent People's Court. Vietnamese law will be applied to resolve disputes arising from this contract.

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng/Article 8. Validity of Contract

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản với chữ ký, xác nhận của hai bên và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

This contract takes effect from the date of signing. All amendment and supplement to this Contract are only valid when made in writing with the signatures and agreement of the two parties and are integral parts of this Contract.

2. Hợp đồng này được lập thành [...] bản song ngữ Anh – Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ [...] bản. Trường hợp có sự khác biệt giữa 2 ngôn ngữ, ngôn ngữ tiếng Việt có giá trị pháp lý cuối cùng.

This contract is made in [...] copies in English – Vietnamese bilingual version and copies are of equal legal value. Each party keeps [...] copy/copies. In case of discrepancies between the two languages, Vietnamese shall prevail and has the final legal value.

BÊN A/PARTY A

(Ký, đóng dấu)

BÊN B/PARTY B

(Ký, đóng dấu)